TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2022
V/v ly hôn giữa anh M và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Bà Bùi Thị Gấm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Xuân Thủy.

2. Ông Nguyễn Công Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST - HNGĐ ngày 23-3-2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-4-2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Tiến M, sinh năm 1984.

Nơi ĐKHKTT và cư trú tại: Xóm 1, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị T; sinh năm 1984.

Nơi ĐKHKTT tại: Xóm 1, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

Hiện chị T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị T; sinh năm 1950.

Nơi ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh M, chị T, bà T vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình ngày 09-4-2021, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Tiến M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 28-7-2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau thời gian kết hôn anh chị sống hạnh phúc được gần một năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong trong mọi việc của gia đình. Chị T thường tự ý quyết định mọi việc, không bao giờ bàn bạc với anh dẫn đến hạnh phúc vợ chồng mất dần. Tháng 3-2021 mâu thuẫn gia đình trở lên trầm trọng và anh chuyển ra ngoài ở riêng. Tháng 4-2021 anh xin ly hôn với chị T tại Tòa án nhân dân huyện V.

Về con chung: Anh M và chị T có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 31-8-2017. Ly hôn anh M nhận nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản, công nợ và những nội dung khác liên quan: Anh M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tháng 9-2021 chị T có đơn gửi Tòa án huyện V, tỉnh Nam Định về việc không chấp nhận ly hôn với anh M và chị T cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện V địa chỉ nơi chị cư trú là tại Số nhà 2B ngách 15/49/43 T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; sau đó anh M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy để giải quyết đúng thẩm quyền. Tuy nhiên trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội xác minh địa chỉ chị T cùng cấp không tồn tại và chuyển hồ sơ vụ án về Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định giải quyết.

Ngày 18-3-2022, anh M có đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện V tiếp tục giải quyết vụ án. Anh M giữ nguyên quan điểm là xin ly hôn với chị T và nhận nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Trong quá trình làm việc, anh M cương quyết xin được ly hôn với chị T và anh đồng ý cho chị T được nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 31-8-2017. Hiện nay chị T đang chấp hành hình phạt tù với thời hạn là 04 năm 06 tháng, cháu C đang được mẹ chị T là bà Dương Thị T chăm sóc chu đáo nên anh M đồng ý để bà T tiếp tục nuôi dưỡng cháu C đến khi chị T chấp hành xong hình phạt tù. Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C cùng chị T và bà T là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 4-2022 đến khi cháu C trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30-3-2022, chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận, thời gian sống ly hôn giống với lời khai của anh M. Về mâu thuẫn gia đình, theo chị T xuất phát từ anh M, anh M vẫn ham chơi, không quan tâm đến vợ con; ngoài thời gian đi làm về thì anh M lại đi chơi, không hỗ trợ chị về kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên chị vẫn thấy bình thường vì chị chấp nhận được cách sống của anh M, chị muốn giữ anh M để con có đầy đủ cả bố và mẹ. Sau đó anh M chuyển ra ngoài sinh sống và anh chị sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, anh M không quan tâm gì đến con cái. Anh M có trở về thăm con 01 lần cũng là do chị gọi điện chứ anh M cũng không tình nguyện. Đến nay chị T xác định không còn tình cảm với anh M, tuy nhiên chị rất thương con và muốn con có đầy đủ cả cha và mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng để khôn lớn, phát triển. Vì vậy chị không đồng ý ly hôn với anh M.

Về con: Chị và anh M có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 31-8-2017. Nếu buộc phải ly hôn, chị cương quyết nhận nuôi con. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân thì cháu C được chị nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Từ ngày 15-3-2022 chị đi chấp hành hình phạt tù với thời gian là 04 năm 06 tháng nên chị đã giao con lại cho mẹ chị là bà Dương Thị T thay chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trong thời gian chị chấp hành hình phạt tù. Vì vậy chị mong Hội đồng xét xử giao con cho chị nuôi dưỡng và chị nhờ mẹ chị là bà Dương Thị T thay mặt chị nuôi cháu Trần Ngọc Minh C đến khi chị trở về với xã hội thì chị sẽ tiếp tục nuôi con. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 04-8-2021 và ngày 12-4-2022, bà Dương Thị T trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Vũ Thị T; về quan hệ hôn nhân của anh M và chị T thì bà không có ý kiến gì mà để anh M, chị T tự quyết định. Về con chung của anh M và chị T, hiện nay bà đang chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 31-8-2017 thay chị T trong thời gian chị T đi chấp hành hình phạt tù 04 năm 06 tháng. Anh M, chị T ly hôn, bà đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của chị T là giao cháu C cho chị T nuôi dưỡng. Bà nhận trách nhiệm thay chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C đến khi chị T hết hạn tù giam và trở về với xã hội thì bà sẽ giao cháu C lại cho chị T. Quan điểm của chị T là không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi cháu C, tuy nhiên bà nhận uỷ quyền của chị T nhận nuôi cháu C trong thời gian chị T chấp hành án tại trại giam, anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C là 2.00.000đ/tháng thì bà đồng ý và bà đề nghị Tòa án chấp nhận sự tuyện nguyện của anh M.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 04-8-2021, Uỷ ban nhân dân xã K cung cấp như sau: Chị Vũ Thị T hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm 1, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 24-8-2021, Uỷ ban nhân dân xã C cung cấp như sau: Anh Trần Tiến M và chị Vũ Thị T đăng ký kết hôn hợp pháp tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện V vào ngày 28-7-2012.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Trần Tiến M và chị Vũ Thị T.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 31-8-2017 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu C trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh Trần Tiến M cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 4/2022 đến khi cháu C trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Hiện nay chị T đang chấp hành hình phạt tù với thời hạn là 04 năm 06 tháng; chấp nhận nguyện vọng của chị T và bà T, tạm giao cháu Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 31-8-2017 cho bà Dương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C đến khi chị T hết hạn tù, trở về với xã hội thì chị T nhận lại con để nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Tiến M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Vũ Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 1, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định; hiện nay chị T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam, công an tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tiến M và chị Vũ Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 28-7-2012, như vậy hôn nhân của anh M và chị T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần; anh chị đã sống ly thân từ tháng 4-2021 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống anh M và chị T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị đã có thời gian sống ly thân từ tháng 4-2021 đến nay. Như vậy, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình giữa anh M và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M, xử cho anh M được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Con chung của anh M và chị T là cháu Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 31-8-2017, hiện nay cháu C đang được bà Dương Thị T (mẹ đẻ chị T) chăm sóc, nuôi dưỡng. Các đương sự đều thống nhất giao cháu Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 31-8-2017 cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đề nghị Tòa án tạm giao cháu C cho bà Dương Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C trong thời gian chị T chấp hành hình phạt tù 04 năm 06 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T có nguyện vọng được nuôi con nhưng do điều kiện đang chấp hành hình phạt tù trong trại giam nên chị T đã ủy quyền cho bà Dương Thị T (mẹ đẻ chị T) thay chị để giải quyết về vấn đề nuôi con chung với anh M. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M và bà T đã thống nhất thỏa thuận là giao cháu C cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T sẽ thay chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C cho đến khi chị T chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương. Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T số tiền là 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 4-2022 cho đến khi cháu C trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận trên của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với quyền, lợi ích hợp pháp của cháu C, do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Anh M và chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Tiến M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử ly hôn giữa anh Trần Tiến M và chị Vũ Thị T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung: Giao cháu Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 31-8-2017 cho chị Vũ Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Bà Dương Thị T nhận ủy quyền của chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C cho đến khi chị T chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương.

Anh Trần Tiến M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị T số tiền là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 4-2022 cho đến khi cháu C trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Trần Tiến M có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở, nhưng anh M không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Dương Thị T và chị Vũ Thị T.

3. Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm: Anh Trần Tiến M phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con . Anh M đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0001178 ngày 15-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ và anh M còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Anh Trần Tiến M, chị Vũ Thị T và bà Dương Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã C;
- Lưu HS,VP.

Bùi Thị Gấm